

Số: 1450/2020/QĐST-HNGĐ

B, ngày 20 năm 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN  
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, khoản 2 Điều 396 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 11 và 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 2307/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*\* Những người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:*

**Bà Nguyễn Thị Trà G**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ 22, khu phố 2A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**Ông Nguyễn Hoài S**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ 22, khu phố 2A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trà G và ông Nguyễn Hoài S xây dựng gia đình với nhau năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, trên cơ sở tự nguyện. Căn cứ các Điều 9, 11 và 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là hôn nhân hợp pháp. Bà G và ông S chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà G và ông S có một con chung tên Nguyễn Trọng Hoài L, sinh ngày 27/9/2015. Khi ly hôn, các đương sự thỏa thuận, giao con cho bà G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng kể từ tháng 12 năm 2020 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động. Ông S được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Trà G và ông Nguyễn Hoài S mỗi người chịu 150.000đồng tiền lệ phí hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0007159 ngày 27 tháng 10 năm 2020, bà G và ông S đã nộp đủ tiền lệ phí.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 12 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trà G và ông Nguyễn Hoài S thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà G và ông S có một con chung tên Nguyễn Trọng Hoài L, sinh ngày 27/9/2015. Khi ly hôn, giao con cho bà G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng kể từ tháng 12 năm 2020 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động. Ông S được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Trà G và ông Nguyễn Hoài S mỗi người chịu 150.000đồng tiền lệ phí hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0007159 ngày 27 tháng 10 năm 2020, bà G và ông S đã nộp đủ tiền lệ phí.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKS ND TP. B;
- THA DS TP. B;
- UBND phường L,  
Thành phố B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ việc.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Hoàng Phương**